

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H - sinh năm 1983;
Địa chỉ: Số nhà 40 G, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông D Xuân T1 và ông Trương Xuân Hợi - Văn phòng luật sư C, Đoàn luật sư tỉnh T.

Địa chỉ: 31 Lê Quý Đôn, phường B, thành phố T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Trình Văn T - sinh năm 1983;
Địa chỉ: Số nhà 40 G, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Khánh D - sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 32 Nguyễn Thượng Hiền, phường R, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thu H và anh Trình Văn T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về con chung: Chị Nguyễn Thu H và anh Trình Văn T có hai con chung là cháu Trình Thị Hà Trang, sinh ngày 13/7/2010 và cháu Trình Khánh Đăng, sinh ngày 18/7/2016. Ly hôn, giao cháu T2 và cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thu H và anh Trình Văn T thống nhất vợ chồng có khối tài sản chung là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 86, tại địa chỉ Lô 182 MBQH số 2155 phường Đ, thành phố T, tỉnh T. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL611411 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 29/12/2017 mang tên Trình Văn T và Nguyễn Thu H. Trên đất có 01 nhà ba tầng, kết cấu bê tông cốt thép, xây dựng năm 2020. Anh chị thống nhất giá trị nhà và đất là: 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). Ly hôn, anh chị thống nhất giao lại nhà và đất cho chị H toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt, chị H trả cho anh T số tiền chênh lệch là: 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng).

- Về công nợ chung: Chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần công nợ. Anh T thống nhất phần công nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận. Anh D không có yêu cầu độc lập về phần công nợ. Do đó, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về phần công nợ chung. Các đương sự có quyền khởi kiện lại.

- Về án phí: Chị H chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 24.000.000 (hai mươi tư triệu đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 17.800.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0002934 ngày 16/11/2023, nên chị H còn phải nộp 6.350.000 đồng (sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP T;
- Đ-ơng sự;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND xã T, huyện D, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh